TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2024/QĐST-VHNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Bách Thiện Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 60/2024/TLST-VHNGĐ ngày 12/03/2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 62/QĐST-VHNGĐ ngày 13/03/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- Anh C M H, sinh năm 1984.

Hộ chiếu số: Q******* do Đại sứ quán Việt Nam tại Australia cấp ngày 27/10/2022; Nơi đăng ký thường trú: Thôn M, xã T T, huyện V T, tỉnh V P. *Anh H có mặt.*

- Chị D T H, sinh năm 1986.

Hộ chiếu số: C******* do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 02/08/2017; Nơi đăng ký thường trú: 63B 11 tập thể K L, phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: 8/42 B, C, P 6009, Tây Úc (Australia).

Chị D T H ủy quyền cho ông L V Đ (sinh năm 1997; Địa chỉ: 72 H S, phường N Đô, quận C G, thành phố Hà Nội) giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. *Chị H có đơn xin vắng mặt, ông Đ có mặt.*

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai của anh C M H và chị D T H cùng trình bày:

- ***Về tình cảm*:** Anh C M H và chị D T H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 22/02/2012 tại Ủy ban nhân dân phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mặc dù anh chị đã nhiều lần ngồi lại để nói chuyện với nhau nhưng đều không

có kết quả, không có tiếng nói chung. Anh chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh chị làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh C M H và chị D T H cùng thống nhất, thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo nơi cư trú của chị D T H giải quyết thủ tục ly hôn.

- ***Về con chung:*** Anh H và chị H có 02 con chung là cháu C G H (giới tính: nữ), sinh ngày 10/11/2012 và cháu C M H (giới tính: nam), sinh ngày 19/10/2015. Ly hôn, anh chị thống nhất, thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh H và chị H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung****:* Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về lệ phí giải quyết ly hôn***: Anh H tự nguyện chịu toàn bộ.

Do điều kiện không thể về Việt Nam giải quyết được, chị H đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông L V Đ giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và các văn bản tài liệu của chị Hà đều được chứng thực tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Pớt, Australia ngày 23/02/2024.

Tại phiên họp: Anh C M H có mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị; Chị D T H có đơn xin giải quyết vắng mặt; Ông L V Đ có mặt và đồng ý nhận sự ủy quyền của chị D T H là giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông Đ cam kết thông báo và gửi để chị H được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh C M H và chị D T H có đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Chị D T H hiện đang sinh sống và làm việc tại Australia nên theo quy định tại Điều 29 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh C M H và chị D T H do cả hai cùng tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K L, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội ngày 22/02/2012. Cuộc sống chung vợ chồng sau hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện cả hai vợ chồng cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Anh H và chị H xác nhận có 02 con chung là cháu C G H, sinh ngày 10/11/2012 và cháu C M H, sinh ngày 19/10/2015. Hiện cả hai con đang ở với chị H. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H và chị H tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh C M H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh C M H và chị D T H.

2. Về con chung: Anh C M H và chị D T H có 02 con chung là cháu C G H (giới tính: nữ), sinh ngày 10/11/2012 và cháu C M H (giới tính: nam), sinh ngày 19/10/2015. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu C M H và cháu C G H cho chị D T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Anh C M H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0022992 ngày 6/3/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ghi nhận anh C M H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19/3/2024.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP Hà Nội;
- Lưu;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Bích Hạnh